



**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH ĐẠI HỌC – DẠY NGHỀ**
Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016



MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	8 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 (đăng ký điều chỉnh lần 2 vào ngày 28 tháng 6 năm 2010) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 21,73% vốn điều lệ.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2016: 10.000.000.000 đồng.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/12/2007.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 25 Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 04.38256547 - 39717189
- Fax: (84) 04.39717189
- Website: <http://www.hevobco.com.vn>
- Email: info@hevobco.com.vn - hevobco@yahoo.com

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 24 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Văn Tư | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 19/04/2014 |
| • Bà Ngô Thị Thanh Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Lê Quang Dũng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Trần Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Trần Trọng Tiến | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 19/04/2014 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

• Bà Đỗ Thị Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014
• Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014
• Ông Vũ Bá Sơn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 19/04/2014

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Bà Ngô Thị Thanh Bình	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 21/04/2014
• Ông Trần Văn Thắng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 21/04/2014
• Ông Trần Trọng Tiến	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 21/04/2014
• Ông Lê Quang Dũng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 21/04/2014

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Giám đốc

Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 800/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, được lập ngày 11/07/2016 của Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 4 đến trang 28.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

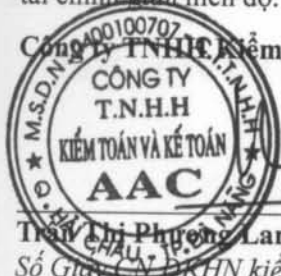
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN KHN kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.433.389.122	19.112.299.038
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.639.646.170	6.007.374.453
1. Tiền	111	5	639.646.170	1.007.374.453
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	1.000.000.000	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.609.480.000	117.300.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7	143.744.800	143.744.800
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	7	(34.264.800)	(26.444.800)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8	1.500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.934.938.452	5.395.738.379
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	5.913.425.725	2.533.045.104
2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	3.000.000.000	3.000.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	11.a	332.651.110	142.741.069
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(311.138.383)	(280.047.794)
IV. Hàng tồn kho	140	13	7.219.037.352	7.578.790.277
1. Hàng tồn kho	141		8.159.894.532	8.588.172.388
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(940.857.180)	(1.009.382.111)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.287.148	13.095.929
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14.a	26.115.100	9.292.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.172.048	3.803.929
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		128.817.000	105.075.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		32.000.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	11.b	32.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	-	-
- Nguyên giá	222		1.009.219.000	1.009.219.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.009.219.000)	(1.009.219.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		96.817.000	105.075.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14.b	96.817.000	105.075.000
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		19.562.206.122	19.217.374.038

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.361.277.145	3.790.636.971
I. Nợ ngắn hạn	310		4.361.277.145	3.790.636.971
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	3.135.751.070	1.667.308.751
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.537.500	137.013.830
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	249.540.430	455.617.312
4. Phải trả người lao động	314		853.590.744	1.004.426.328
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	8.096.000	2.480.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	13.027.071	11.009.781
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		95.734.330	512.780.969
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.200.928.977	15.426.737.067
I. Vốn chủ sở hữu	410		15.200.928.977	15.426.737.067
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	1.890.000.000	1.890.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	606.152.402	606.152.402
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	2.704.776.575	2.930.584.665
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.630.584.665	1.629.769.276
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.074.191.910	1.300.815.389
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		19.562.206.122	19.217.374.038



Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 11 tháng 07 năm 2016

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	10.113.334.386	9.860.393.023
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		10.113.334.386	9.860.393.023
4. Giá vốn hàng bán	11	23	5.613.832.751	5.804.088.341
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		4.499.501.635	4.056.304.682
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	225.023.091	293.032.611
7. Chi phí tài chính	22	25	7.820.000	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	383.664.742	337.687.262
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	2.957.598.139	2.863.764.902
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.375.441.845	1.147.885.129
11. Thu nhập khác	31		43.000	8.291.595
12. Chi phí khác	32	27	4.899.966	4.220.509
13. Lợi nhuận khác	40		(4.856.966)	4.071.086
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.370.584.879	1.151.956.215
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	296.392.969	272.000.679
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.074.191.910	879.955.536
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.074	880
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	1.074	880



Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 11 tháng 07 năm 2016

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN
TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	6.414.998.781	7.882.684.856
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(4.747.826.471)	(6.237.808.002)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.511.891.750)	(2.461.062.400)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05 17	(377.623.289)	(679.672.678)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	68.905.468	19.581.383
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(474.086.334)	(693.600.902)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.627.523.595)	(2.169.877.743)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23 8	(1.500.000.000)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	4.400.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 11,24	59.795.312	134.280.743
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.440.204.688)	4.534.280.743
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 20.e	(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(4.367.728.283)	1.064.403.000
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 5, 6	6.007.374.453	1.413.624.375
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 5, 6	1.639.646.170	2.478.027.375



Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 11 tháng 07 năm 2016

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 (đăng ký điều chỉnh lần 2 vào ngày 28 tháng 6 năm 2010) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 21,73% vốn điều lệ.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2016: 10.000.000.000 đồng.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/12/2007.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục; buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 (bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc ngày 30/06/2016)

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí công in, nhuận bút, phí quản lý xuất bản, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên chi phí công in.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Hiện nay, toàn bộ các tài sản cố định hữu hình của Công ty đã được khấu hao hết.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Phí quản lý xuất bản, phí đầu thầu bản thảo trả trước cho các sách chưa in được phân bổ căn cứ vào số lượng sách in nhập kho;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Chi phí phải trả của Công ty là phí đấu thầu bản thảo của số lượng sách in vượt hợp đồng hoặc đơn giá cao hơn hợp đồng thầu nhưng chưa có hóa đơn.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm.

4.12 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Các loại sách cho đại học và dạy nghề là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế. Đối với từ điển các loại áp dụng mức thuế suất 5%. Đối với các loại sổ sách chuyên môn áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2016	01/01/2016
Tiền mặt	270.516.507	173.008.212
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	369.129.663	834.366.241
Cộng	639.646.170	1.007.374.453

6. Các khoản tương đương tiền

	30/06/2016	01/01/2016
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 tháng	1.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	5.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (APS)	143.744.800	178.009.600	(34.264.800)	143.744.800	170.189.600	(26.444.800)
Cộng	143.744.800	178.009.600	(34.264.800)	143.744.800	170.189.600	(26.444.800)

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá thị trường (giá đóng cửa của mã chứng khoán APS tại ngày kết thúc kỳ kế toán).

8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
Cộng	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	1.622.134.869	669.371.552
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	1.466.644.168	318.601.762
Các đối tượng khác	2.824.646.688	1.545.071.790
Cộng	5.913.425.725	2.533.045.104

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư	1.622.134.869	669.371.552
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư	503.346.982	5.269.120
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	1.466.644.168	318.601.762
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	1.072.919.242	286.757.980
Cộng		4.665.045.261	1.280.000.414

10. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	3.000.000.000	3.000.000.000

Cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục VN vay theo hợp đồng số 01/2016/HĐVV/HEV-NXBGDVN, thời hạn cho vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày 01/01/2016 với lãi suất 7,5%/năm.

Trong đó: Phải thu về cho các bên liên quan vay

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng		3.000.000.000	3.000.000.000

11. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	29.610.000	-	49.610.000	-
Lãi dự thu	258.358.848	-	93.131.069	-
Phải thu khác	44.682.262	-	-	-
Cộng	332.651.110	-	142.741.069	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ (Tiền đặt cọc thuê nhà)	32.000.000	-	-	-
Cộng	32.000.000	-	-	-

12. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

a. Ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	311.138.383	280.047.794
- Từ 3 năm trở lên	290.044.481	241.494.481
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	33.985.000
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	21.093.902	4.568.313
Cộng	311.138.383	280.047.794

b. Nợ xấu

	30/06/2016			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng				
- Công ty CP Việt Thương - Nhà sách Cáo Thơm	50.234.301	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Sĩ Giáo dục Đào tạo Bắc Kạn	45.446.334	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Công ty TNHH MTV Sách và TRTH Đak Nông	39.476.625	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Trường ĐH Sư phạm Hà Nội (Khoa Văn)	48.550.000	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Phải thu các đối tượng khác	176.650.226	49.219.103	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
Cộng	360.357.486	49.219.103		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	01/01/2016		Thời gian quá hạn	Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)		
Phải thu khách hàng				
- Công ty CP Việt Thương - Nhà sách Cáo Thơm	50.234.301	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Sở Giáo dục Đào tạo Bắc Kạn	45.446.334	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác đã quá hạn trên 3 năm	145.813.846	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Phải thu các đối tượng khác	63.777.710	25.224.397	Từ 6 tháng đến dưới 3 năm	
Cộng	305.272.191	25.224.397		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

13. Hàng tồn kho

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18.471.545	-	12.405.489	-
Thành phẩm	8.106.665.443	(940.857.180)	8.544.452.623	(1.009.382.111)
Hàng hóa	34.757.544	-	31.314.276	-
Cộng	8.159.894.532	(940.857.180)	8.588.172.388	(1.009.382.111)

- Giá trị hàng tồn kho là sách các loại chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2016 là 1.952.252.719 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch tìm kiếm khách hàng, tăng tỷ lệ chiết khấu để tiêu thụ các loại sách này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2016.

14. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Phí quản lý xuất bản	26.115.100	9.292.000
Cộng	26.115.100	9.292.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Phí đầu thầu bàn thảo	96.817.000	105.075.000
Cộng	96.817.000	105.075.000

15. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	1.009.219.000	1.009.219.000
Mua sắm trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.009.219.000	1.009.219.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	1.009.219.000	1.009.219.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.009.219.000	1.009.219.000
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-

- Không có tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2016.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 1.009.219.000 đồng.

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần In Phúc Yên	1.178.252.403	438.557.966
Công ty CP In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	308.543.400	100.000.000
Phải trả cho các đối tượng khác	1.648.955.267	1.128.750.785
Cộng	3.135.751.070	1.667.308.751

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP In SGK tại Thành phố Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	308.543.400	100.000.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	286.836.345	9.377.770
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	93.737.000	114.065.000
Cộng		689.116.745	223.442.770

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	-	374.739	260.453	114.286
Thuế thu nhập doanh nghiệp	307.623.289	296.392.969	377.623.289	226.392.969
Thuế thu nhập cá nhân	147.994.023	95.985.465	220.946.313	23.033.175
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	455.617.312	396.753.173	602.830.055	249.540.430

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Chi phí đấu thầu bản thảo	8.096.000	2.480.000
Cộng	8.096.000	2.480.000

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2016	01/01/2016
Kinh phí công đoàn	12.388.071	10.370.781
Phải trả khác	639.000	639.000
Cộng	13.027.071	11.009.781

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2015	10.000.000.000	1.890.000.000	1.209.758.684	3.329.769.276	16.429.527.960
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.800.815.389	1.800.815.389
Giảm trong kỳ	-	-	603.606.282	2.200.000.000	2.803.606.282
Số dư tại 31/12/2015	10.000.000.000	1.890.000.000	606.152.402	2.930.584.665	15.426.737.067
Số dư tại 01/01/2016	10.000.000.000	1.890.000.000	606.152.402	2.930.584.665	15.426.737.067
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.074.191.910	1.074.191.910
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.300.000.000	1.300.000.000
Số dư tại 30/06/2016	10.000.000.000	1.890.000.000	606.152.402	2.704.776.575	15.200.928.977

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức đã chia	1.300.000.000	1.300.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Cổ tức

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 23/04/2016 đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 với tỷ lệ 13%/ vốn điều lệ, tương ứng 1.300.000.000 đồng. Theo đó, công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2016.

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	2.930.584.665	3.329.769.276
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.074.191.910	879.955.536
Phân phối lợi nhuận	1.300.000.000	1.700.000.000
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	1.300.000.000	1.700.000.000
+ Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	400.000.000
+ Chia cổ tức	1.300.000.000	1.300.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	2.704.776.575	2.509.724.812

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

VND Nguyên nhân xóa nợ

Công ty TNHH Thương mại Văn hóa Nam Việt

565.679.294 Khách hàng đã phá sản

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Doanh thu sách Đại học - Dạy nghề	10.062.212.439	8.614.029.252
Doanh thu sách liên kết trọn gói	35.700.000	1.156.604.826
Doanh thu sách tham khảo mua ngoài	15.421.947	89.758.945
Cộng	10.113.334.386	9.860.393.023

23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Giá vốn sách Đại học - Dạy nghề	5.652.659.350	4.982.359.459
Giá vốn sách liên kết trọn gói	15.492.600	790.109.570
Giá vốn sách tham khảo mua ngoài	14.205.732	81.878.945
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(68.524.931)	(50.259.633)
Cộng	5.613.832.751	5.804.088.341

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	225.023.091	208.047.411
Lãi bán các khoản đầu tư	-	84.985.200
Cộng	225.023.091	293.032.611

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	7.820.000	-
Cộng	7.820.000	-

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nhân công	205.587.732	172.793.432
Chi phí bốc xếp vận chuyển hàng tiêu thụ	138.587.010	146.813.260
Các khoản khác	39.490.000	18.080.570
Cộng	383.664.742	337.687.262

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nhân công	2.171.895.822	1.850.316.061
Chi phí thuê nhà	272.796.000	341.493.241
Các khoản khác	512.906.317	671.955.600
Cộng	2.957.598.139	2.863.764.902

27. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí phạt chậm nộp thuế	3.921.973	2.563.635
Các khoản khác	977.993	1.656.874
Cộng	4.899.966	4.220.509

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.370.584.879	1.151.956.215
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	111.379.966	84.410.509
- Điều chỉnh tăng	111.379.966	84.410.509
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	43.779.966	52.580.509
+ Thù lao HDQT không trực tiếp điều hành	67.600.000	31.830.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.481.964.845	1.236.366.724
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	296.392.969	272.000.679
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	296.392.969	272.000.679
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.074.191.910	879.955.536
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.074.191.910	879.955.536
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.074	880

(*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi. Kế hoạch đại hội cổ đông của Công ty không quy định tỷ lệ trích cụ thể. Hằng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đạt được, Ban điều hành sẽ đề xuất số tiền trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

30. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nhân công	2.377.483.554	2.023.109.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.793.935.441	6.631.189.848
Chi phí khác bằng tiền	369.118.067	508.383.813
Cộng	8.540.537.062	9.162.683.154

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là biên tập, phát hành sách đại học dạy nghề và một bộ phận địa lý chính là lãnh thổ Việt Nam.

32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu rủi ro chủ yếu khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí in ấn chiếm phần lớn trong giá vốn hàng bán nên Công ty chịu rủi ro về giá in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm khách hàng cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Ban giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau hơn nữa khách hàng của Công ty là các Công ty Sách lớn hoặc Bộ Giáo dục, các Trường Đại học. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác, đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán Công ty cũng thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ và thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>30/06/2016</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	3.135.751.070	-	3.135.751.070
Chi phí phải trả	8.096.000	-	8.096.000
Phải trả khác	639.000	-	639.000
Cộng	3.144.486.070	-	3.144.486.070

<u>01/01/2016</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	1.667.308.751	-	1.667.308.751
Chi phí phải trả	2.480.000	-	2.480.000
Phải trả khác	639.000	-	639.000
Cộng	1.670.427.751	-	1.670.427.751

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>30/06/2016</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.639.646.170	-	1.639.646.170
Đầu tư tài chính	109.480.000	-	109.480.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Phải thu khách hàng	5.602.287.342	-	5.602.287.342
Phải thu về cho vay	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Phải thu khác	332.651.110	32.000.000	364.651.110
Cộng	12.184.064.622	32.000.000	12.216.064.622

<u>01/01/2016</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.007.374.453	-	6.007.374.453
Đầu tư tài chính	117.300.000	-	117.300.000
Phải thu khách hàng	2.252.997.310	-	2.252.997.310
Phải thu về cho vay	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Phải thu khác	142.741.069	-	142.741.069
Cộng	11.520.412.832	-	11.520.412.832

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Chung Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015	
Bán hàng			
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP HCM	Cung ứng sách ĐH-DN	198.515.100	258.507.440
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Cung ứng sách ĐH-DN	1.752.763.317	1.510.248.793
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Cung ứng sách ĐH-DN	903.346.982	915.981.988
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Cung ứng sách ĐH-DN	2.505.923.414	1.975.967.650
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Cung ứng sách ĐH-DN	728.224.972	489.152.330
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Cung ứng sách ĐH-DN	452.539.796	277.337.864
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Tiền thuê nhà, tiền điện và các dịch vụ khác	23.117.738	42.394.592
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà nội	Phí quản lý xuất bản	423.898.575	425.648.000
	Tem chống giá	43.560.000	21.780.000
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Tiền in sách ĐH-DN	235.038.929	234.940.588
Giao dịch khác			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Thu nhập từ lãi cho vay	113.750.000	120.666.668

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Lương Ban Giám đốc	704.319.365	561.423.000
- Giám đốc	304.119.597	239.055.500
- Các Phó Giám đốc	400.199.768	322.367.500
Thu nhập Hội đồng quản trị	89.230.000	53.390.000

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 11 tháng 07 năm 2016

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh

